TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BOM** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **30**/2019/HSST
Ngày: **11/03/2019**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM – TỈNH ĐỒNG NAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lộc Văn Bậu.
Ông Ngô Văn Đức.
Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Trung.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Kiều Diễm - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 18/2019/TLST-HS ngày 29/01/2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2019/QĐXXST-HS ngày 20/02/2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Thị Kim S: sinh năm 1993, tại tỉnh Đ.
Hộ khẩu thường trú: Thôn 16, xã N, huyện C, tỉnh Đ.
Tạm trú: Ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Đ.
Quốc tịch: Việt Nam; - Dân tộc: Kinh - Tôn giáo: Thiên chúa.
Trình độ học vấn: 11/12 - Nghề nghiệp: Công nhân.
Tiền án, tiền sự: Không
Con ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1971 và bà Mai Thị L, sinh năm 1970; bị cáo chưa có chồng con.

Bị tạm giữ từ ngày 09/11/2018, đến ngày 12/11/2018 được hủy bỏ tạm giữ và thay thế bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 180/LC ngày 12/11/2018 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Trảng Bom.

Bị hại: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm: 1993.
Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Đ.
Người làm chứng: **Anh Nguyễn Đăng T, sinh năm: 1993.**
Địa chỉ: Tổ 1, ấp 1, xã X, huyện X, tỉnh Đ.
(bị cáo có mặt; bị hại, người làm chứng vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 06 giờ ngày 06/11/2018, Nguyễn Thị Kim S đến Công ty Cổ phần TuiCo, địa chỉ: Khu công nghiệp H, xã H, huyện T, tỉnh Đ để làm việc. Trong lúc làm việc thì chị Nguyễn Thị T (làm cùng bộ phận với S) có nói cho S biết chị có mang theo tiền để trong ví ở ngăn tủ chứa đồ cá nhân dưới bàn làm việc. Đến khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày, chị T và các công nhân làm cùng bộ phận dọn vệ sinh trước khi ra ca, lúc này chỉ mình S ở nơi làm việc nên S nảy sinh ý định trộm cắp tiền của chị T. S mở tủ lấy ví của chị T trộm cắp toàn bộ số tiền trong ví giấu vào áo khoác. Hết giờ làm việc S đi về phòng trọ tại ấp T, xã H, lấy tiền ra đếm được 11.000.000 đồng. Sáng ngày 07/11/2018, S đi làm bình thường, khi đến Công ty biết được chị T đã trình báo công an việc bị mất tiền, lo sợ bị phát hiện lấy trộm nên đến 10 giờ cùng ngày S xin nghỉ đi về phòng trọ. S lấy 1.000.000 đồng trong số tiền trộm cắp của chị T đón xe buýt đến nhà anh Nguyễn Đăng T (bạn trai của S) ở xã X, huyện X, tỉnh Đ. Tại đây S nói cho anh T biết việc S lấy trộm tiền của T, anh T vận động và đưa S đến Công an đồn khu công nghiệp S, xã H, huyện T đầu thú. Công an thu giữ số tiền 10.000.000 đồng tại phòng trọ của S, S tự nguyện giao nộp số tiền 1.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 36/CT-VKS-HS ngày 23/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom truy tố bị cáo Nguyễn Thị Kim S về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom vẫn giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng và đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kim S từ 06 tháng đến 08 tháng tù giam.

- Bị cáo Nguyễn Thị Kim S không tranh luận với bản luận tội của Kiểm sát viên đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung tại Cáo trạng đã nêu và bị cáo nói lời nói sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị hại và người làm chứng:

Bị hại - Chị Nguyễn Thị T có đơn xin vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị hại.

Người làm chứng - Anh Nguyễn Đăng T đã có lời khai trong quá trình điều tra và không ảnh hưởng đến việc xét xử nên căn cứ khoản 1 Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự tiến hành xét xử vắng mặt người làm chứng.

[2] Về trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo khai nhận lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác của người bị hại, bị cáo đã có hành vi trộm cắp cụ thể như sau: Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 06/11/2018 tại Công ty Cổ phần TuiCo – Khu công

nghiệp H, xã H, huyện T, Nguyễn Thị Kim S có hành vi lén lút trộm cắp số tiền 11.000.000 đồng của chị Nguyễn Thị T.

Như vậy, đã có đủ căn cứ để xác định hành vi của bị cáo Nguyễn Thị Kim S đã phạm tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015.

[3] Về tính chất mức độ của hành vi phạm tội và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự an ninh tại địa phương, nên cần phải xử phạt một mức án tương xứng với hành vi của bị cáo và tính chất của vụ án nhằm giáo dục bị cáo, răn đe và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; tài sản thu hồi đã trả lại cho bị hại và đầu thú là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, đồng thời bị cáo không có tình tiết tăng nặng để xem xét cho bị cáo chấp hành hình phạt tù có điều kiện là cũng đủ nghiêm, tạo cơ hội cho bị cáo trở thành công dân có ích và cũng để thể hiện chính sách khoan hồng của Nhà nước theo quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự và Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/05/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

[4] Về biện pháp tư pháp: Chị Nguyễn Thị T đã nhận lại tài sản không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Thị Kim S phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Kim S phạm tội: "*Trộm cắp tài sản*".

1. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; 65 Bộ luật hình sự 2015; Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Xử phạt: **Bị cáo Nguyễn Thị Kim S 08 (tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (năm) 04 (bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.**

Giao bị cáo Nguyễn Thi Kim S về cho chính quyền địa phương xã H, huyện T, tỉnh Đ nơi bị cáo cư trú để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bán án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, xử buộc bị cáo Nguyễn Thị Hương S phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện, VKSND tỉnh;
- Công an huyện;
- Chi cục thi hành án huyện;
- Bị cáo, bị hại;
- Nhà tạm giữ CA huyện;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hương